TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2018/DS-PT
Ngày 13-4-2018
"V/v Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tặng

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Tấn

Ông Bùi Văn Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10/01, 16/01/2018 và ngày 13/4/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2017/TLPT - DS ngày 20 tháng 11 năm 2017 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đòi lại tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2017/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện LV bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 374/2017/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Cẩm H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 03A, Khóm 1, thị trấn LV, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952.

Anh Dương Nhật A, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Số 154/LP, ấp LP, xã HL, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của anh Dương Nhật A: bà Nguyễn Thị T. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 08/01/2018).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Nguyễn Văn B, sinh năm 1931 (chết).

Địa chỉ: Ấp TL2, xã TA, huyện CĐ, thành phố Cần Thơ.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông B:

Ông Nguyễn Phước H1.

Địa chỉ: Số 14, Khóm 1, thị trấn LV, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1964.

Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1985.

Chị Nguyễn Thị Thu N1, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Ấp TL2, xã TA, huyện CĐ, thành phố Cần Thơ.

Ông Nguyễn Thành N2.

Địa chỉ: Số 04, Khóm 1, thị trấn LV, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Nguyễn Hoàng T1, sinh năm: 1968.

Bà Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm: 1964.

Cùng địa chỉ: Ấp LP, xã HL, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp TL, xã TT, huyện TrT, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Hoàng Â, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp HTĐ, xã LH B, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của Nguyễn Phước H1, Nguyễn Thị X, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thành N2, Nguyễn Hoàng T1, Nguyễn Thị Thu H2, Nguyễn Thị Thu N1, Nguyễn Hoàng M, Nguyễn Hoàng Â: Chị Nguyễn Cẩm H, sinh năm: 1976, địa chỉ: Số 03A, Khóm 1, thị trấn LV, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 13/7/2015, ngày 23/7/2015, ngày 14/7/2015, ngày 03/7/2015, ngày 17/7/2015, ngày 21/6/2016, ngày 30/6/2015, ngày 07/7/2015).

- *Người kháng cáo*: Chị Nguyễn Cẩm H là nguyên đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Nguyễn Cẩm H, bà Nguyễn Thị T có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Cẩm H, chị H ủy quyền cho anh Trần Hồ N3 trình bày:

Vào năm 2006 bà Nguyễn Thị T2 (chết ngày 25/03/2010) là mẹ ruột chị H có thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 4.683,2m^2 tại thửa 1576, tờ bản đồ số 6, với giá 85.000.000 đồng (trong đó có diện tích 1.300m^2 do Thi hành án dân sự huyện LV bán giá 30.000.000 đồng) cho bà Nguyễn Thị T

và anh Dương Nhật A, nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định pháp luật, đến năm 2010 bà T2 chết, thì xảy ra tranh chấp, chị H không biết và không đồng ý việc chuyển nhượng đất giữa bà T với bà T2, nên không đồng ý lập thủ tục chuyển nhượng đất. Năm 2011 bà T, anh Nhật A khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện LV và Tòa án xét xử buộc chị H trả lại cho bà T 55.000.000 đồng và bồi thường chênh lệch giá 131.076.000 đồng, tổng cộng 186.076.000 đồng, sau đó chị H kháng cáo. Ngày 26/9/2011, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử bằng bản án dân sự phúc thẩm số 324/2011/DS-PT, tuyên xử: Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà T, anh Nhật A với bà T2 và buộc chị H trả lại cho bà T 55.000.000 đồng và bồi thường chênh lệch giá 131.076.000 đồng, tổng cộng 186.076.000 đồng và ngày 20/08/2014 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV chị H với bà T thỏa thuận bằng văn bản, chị H chỉ thi hành án số tiền 150.000.000 đồng, còn lại 36.076.000 đồng bà T tự nguyện không yêu cầu chị H bồi thường. Sau đó chị khiếu nại đến Tòa án nhân dân tối cao. Tại Quyết định số 07/2015/DS-GĐT ngày 03/02/2015 của Tòa án nhân dân tối cao đã tuyên hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện LV và phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Hiện nay chị H đã thi hành án xong cho bà T 150.000.000 đồng (gồm tiền chuyển nhượng đất 55.000.000 đồng và bồi thường tiền chênh lệch 95.000.000 đồng).

Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T và anh Nhật A liên đới trả lại cho chị H 95.000.000 đồng, ngoài ra chị H không yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T, đồng thời bà T cũng là người đại diện theo ủy quyền của anh Dương Nhật A trình bày:

Vào năm 2006, bà T với bà Nguyễn Thị T2 (mẹ ruột chị H) có thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 4.678 m^2 (đo thực tế 4.626.7m^2) tại thửa 1576, tờ bản đồ số 06 tại xã HL với số tiền 85.000.000 đồng cho bà T, nhưng trong hợp đồng ghi tên con bà T là anh Dương Nhật A (trong đó bà nhận chuyển nhượng từ thi hành án diện tích 1.300m^2 giá 30.000.000 đồng, còn diện tích 3.326,7m^2 giá 55.000.000 đồng), bà T2 giao đất cho bà T sử dụng từ năm 2006, việc bà T2 lập hợp đồng chuyển nhượng và giao nhận tiền chị H không biết, nhưng lúc đến Ủy ban nhân dân xã HL lập thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì chị H có đến nhưng không đồng ý ký tên vào hợp đồng, nên không làm thủ tục tách bộ sang tên quyền sử dụng đất được. Năm 2010 bà T2 chết, chị H là người thừa kế của bà T2 không tiếp tục thực hiện hợp đồng và lấy đất lại sử dụng đến nay. Năm 2011 bà T nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân LV và Tòa xét xử buộc chị H trả lại cho bà 55.000.000 đồng và bồi thường tiền chênh lệch 131.076.000 đồng, tổng cộng 186.076.000 đồng, chị H không đồng ý nên kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm và Tòa án phúc thẩm xét xử y án sơ thẩm. Sau khi án có hiệu lực pháp luật bà T yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV thi hành án, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV bà T và chị H tự nguyện thỏa thuận thi hành án, bà T chỉ nhận 150.000.000 đồng và chị H đã thi hành xong. Sau đó có Quyết định giám đốc

thẩm của Tòa án nhân dân Tối cao tuyên hủy 02 bản án của Tòa án LV và Tòa án tỉnh Đồng Tháp. Đến ngày 30/11/2015 bà T với anh Nhật A có đơn xin rút đơn khởi kiện và không yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án trên, vì giữa bà và chị H đã thỏa thuận Thi hành án xong và ngày 24/02/2016 chị H có đơn phản tố yêu cầu bà trả lại 95.000.000 đồng.

Nay bà T và anh Nhật A không đồng ý trả lại chị H 95.000.000 đồng, vì số tiền này chị H tự nguyện thi hành án xong, nên bà T không có yêu cầu gì khác.

Tại Quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2017/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện LV đã xử:

1. Bác yêu cầu của chị Nguyễn Cẩm H yêu cầu bà Nguyễn Thị T và anh Dương Nhật A liên đới trả lại 95.000.000 đồng (chín mươi lăm triệu đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị T và anh Dương Nhật A về việc yêu cầu chị Nguyễn Cẩm H tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đất 3.326,7m^2 (đo thực tế) tại thửa 1576, tờ bản đồ số 6.

3. Về án phí, tạm ứng án phí và chi phí tố tụng:

3.1 Chị Nguyễn Cẩm H phải chịu 4.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được miễn 50% án phí (gia đình kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn LV) nên chị H phải nộp 2.375.000đ (hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Được khấu trừ 2.074.000đ (hai triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 036976, ngày 17/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Chị H còn phải nộp thêm 301.000 đồng (ba trăm lẻ một nghìn đồng).

3.2 Chị Nguyễn Cẩm H phải chịu 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) chí phí tố tụng (chị đã nộp xong).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/10/2017 chị H kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H. Buộc bà Nguyễn Thị T và anh Dương Nhật A liên đới trả cho chị H số tiền 95.000.000 đồng và buộc bà T, anh Nhật A phải chịu tiền án phí là 2.375.000 đồng.

Ngày 02 tháng 10 năm 2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện LV kháng nghị: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu của chị H là buộc bà Nguyễn Thị T và anh Dương Nhật A liên đới trả lại cho chị H số tiền số tiền 47.500.000 đồng (tương ứng với mức lỗi) là phân nữa số tiền bồi thường tiền chênh lệch giá đất và chi phí thẩm định, định giá mà bà T đã nhận tại cơ quan thi hành án dân sự huyện LV.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại

phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm chị H rút một phần kháng cáo đối với số tiền 47.500.000 đồng, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng cáo của chị H đối với số tiền 47.500.000 đồng.

[2] Xét thấy, vào năm 2006, bà Nguyễn Thị T2 (mẹ ruột chị H) có thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà T diện tích 4.678 m^2 (đo thực tế 4.626.7m^2). Sau khi thỏa thuận chuyển nhượng bà T để cho con là anh Dương Nhật A đứng tên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (trong đó bà T nhận chuyển nhượng từ Thi hành án diện tích 1.300m^2 giá 30.000.000 đồng, còn diện tích 3.326,7m^2 giá 55.000.000 đồng), bà T2 giao đất cho bà T và anh Nhật A sử dụng từ năm 2006, việc bà T với bà T2 lập hợp đồng chuyển nhượng đất và giao nhận tiền chị H không biết, nhưng khi lập thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Ủy ban nhân dân xã HL thì chị H có đến nhưng không đồng ý ký tên vào hợp đồng, nên không làm thủ tục tách bộ sang tên quyền sử dụng đất được. Năm 2010 bà T2 chết, chị H là người thừa kế của bà T2 không tiếp tục thực hiện hợp đồng và lấy đất lại sử dụng đến nay.

Năm 2011 bà T nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện LV và Tòa xét xử buộc chị H trả lại cho bà 55.000.000 đồng và bồi thường tiền chênh lệch 131.076.000 đồng, tổng cộng 186.076.000 đồng, chị H không đồng ý nên kháng cáo, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm giữ y án sơ thẩm. Sau khi án có hiệu lực pháp luật bà T yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV thi hành án, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV bà T và chị H tự nguyện thỏa thuận thi hành án, bà T chỉ nhận 150.000.000 đồng và chị H đã thi hành xong. Ngày 03/02/2015 Tòa án nhân dân tối cao có Quyết định giám đốc thẩm tuyên hủy 02 bản án của Tòa án nhân dân huyện LV và Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Đến ngày 30/11/2015 bà T và anh Nhật A có đơn xin rút đơn khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án trên vì giữa bà T và chị H đã thỏa thuận Thi hành án xong. Ngày 24/02/2016 chị H có đơn phản tố yêu cầu bà T và anh Nhật A trả lại 95.000.000 đồng.

Xét thấy, phần đất tranh chấp là của bà T2 nhận chuyển nhượng của người khác. Mặc dù, theo chị H khi bà T2 nhận chuyển nhượng đất khi đó chị H mới 15 tuổi, nhưng chị H là lao động trong gia đình cùng bà T2 sử dụng phần đất mà bà T2 thỏa thuận chuyển nhượng cho bà T.

Mặt khác, theo văn bản số 41/UBND-TNMT ngày 12/3/2018 của UBND huyện LV xác định: Ngày 26/4/1994 Ủy ban nhân dân huyện LV cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T2 là cấp cho hộ gia đình. Như vậy, khi Ủy ban nhân dân huyện LV cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T2 là cấp cho hộ gia đình, bà T2 thống nhất không có ý kiến gì. Điều đó, chứng tỏ bà T2 thừa nhận phần đất chuyển nhượng cho bà T thì quyền sử dụng đất là của chung trong hộ gia đình, nên việc bà T2 chuyển nhượng đất phải có sự đồng ý của chị H, nhưng chị H không thống nhất việc bà T2 chuyển nhượng đất cho bà T. Do vậy, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà T2 với bà T, anh Nhật

A là giao dịch dân sự vô hiệu theo quy định tại Điều 127 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Điều 137 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: Hậu quả giao dịch giao dịch dân sự:

Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập, các bên phải khôi phục tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận….bên có lỗi gây ra thiệt hại phải bồi thường.

Xét về nguyên nhân dẫn đến hợp đồng vô hiệu là do lỗi của các bên, cho nên bà T2 và bà T, anh Nhật A phải chịu trách nhiệm 50% lỗi của mình. Theo đó, bà T2 có nghĩa vụ giao trả lại tiền chuyển nhượng đất và khoản tiền chênh lệch giá đất cho bà T, anh Nhật A. Bà T và anh Nhật A có nghĩa vụ giao trả phần đất cho bà T2 (đã giao trả đất xong) và chịu trách nhiệm 50% lỗi của mình.

Do bà T2 chết chị H là người thừa kế, nên chị H chịu trách nhiệm hoàn trả tiền chuyển nhượng đất, bồi thường tiền chênh lệch giá đất và chị H đã hoàn trả, bồi thường tiền chênh lệch giá đất cho bà T xong. Do bản án sơ thẩm và phúc thẩm bị hủy, nên chị H yêu cầu bà T hoàn trả số tiền chênh lệch giá đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T thống nhất tiền chênh lệch giá đất theo bản án phúc thẩm ngày 26/9/2011 là 131.076.000 đồng. Chị H không thống nhất giá đất là 131.076.000 đồng mà cho rằng tiền chênh lệch giá đất là 95.000.000 đồng. Xét thấy, việc chị H xác định tiền chênh lệch giá đất là 95.000.000 đồng là chưa phù hợp, vì bà T không thống nhất và sẽ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận theo lời trình bày của chị H.

Theo đó, chị H có trách nhiệm hoàn trả tiền chuyển nhượng đất cho bà T, anh Nhật A là 55.000.000 đồng và bồi thường 50% tiền chênh lệch giá đất là 65.538.000đồng (131.076.000đ x 50%= 65.538.000đ), tổng cộng là 120.538.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T thừa nhận chị H hoàn trả cho bà T tiền chuyển nhượng đất là 55.000.000 đồng và bồi thường tiền chênh lệch giá là 95.000.000 đồng, tổng cộng là 150.000.000 đồng, nên bà T và anh Nhật A có nghĩa vụ trả lại cho chị H 29.462.000đồng (150.000.000đ - 120.538.000đ= 29.462.000đ), nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của chị H.

Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện LV cho rằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng giữa bà T2 với bà T, anh Nhật A là giao dịch vô hiệu, nên bà T2 (chị H) và bà T, anh Nhật A mỗi bên phải chịu 50% lỗi của mình và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của chị H, buộc bà T và anh Nhật A hoàn trả 47.500.000 đồng. Xét thấy, cũng như phần nhận định trên hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà T2 với bà T, anh Nhật A là giao dịch dân sự vô hiệu, bà T2 (chị H) và bà T, anh Nhật A mỗi bên chịu 50% lỗi. Về số tiền chênh lệch giá đất là 131.076.000 đồng, số tiền 95.000.000 đồng theo thỏa thuận giai đoạn thi hành án, bà T không đồng ý, nên

việc thỏa thuận giai đoạn thi hành án không còn hiệu lực. Việc xác định tiền chênh lệch giá 95.000.000 đồng, buộc bà T và anh Nhật A hoàn trả lại 50% tiền chênh lệch giá cho chị H là 47.500.000 đồng là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T, anh Nhật A, nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát.

Theo bản án phúc thẩm số 324/2011/DSPT ngày 26/9/2011, thì bà T phải chịu 600.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, (do bà T yêu cầu bà thường thiệt hại 85 giạ lúa= 12.000.000 đồng không được chấp nhận). Chị H phải chịu 9.303.800 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đồng tiền án phí phúc thẩm và chị H phải chịu 1.675.300 đồng chi phí thẩm định, định giá.

Theo văn bản số 132/CCTHADS ngày 16/3/2018 của Chi cục Thi hành án huyện LV xác định:

- Bà T đã nộp xong 600.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị H đã nộp xong 9.303.800đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đồng tiền án phí phúc thẩm.

Tuy nhiên, theo biên bản hòa giải ngày 24/3/2017 chị H không có yêu cầu xem xét khoản tiền án phí, chi phí thẩm định, định giá và các chi phí giai đoạn thi hành án, nên Bản án sơ thẩm số 42/2017 ngày 20/9/2017 không chấp nhận yêu cầu của chị H và tiếp tục buộc chị H phải chịu 2.375.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và phải chịu 600.000 đồng chi phí tố tụng. Xét thấy, mặc dù chị H không có yêu cầu xem xét khoản tiền án phí sơ thẩm, phúc thẩm đã nộp, nhưng khi xét xử sơ thẩm lại vụ án Tòa án cấp sơ thẩm phải xác định lại số tiền án phí sơ thẩm theo quy định, nên khoản tiền án phí chị H đã nộp cũng phải xem xét trong cùng một vụ án, bởi vì trong cùng một vụ án Tòa án không thể buộc đương sự phải chịu tiền án phí 2 lần. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét khoản tiền án phí đã nộp là thiếu sót, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa phần án phí.

Theo đó chị H, bà T và anh Nhật A phải chịu tiền án phí sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ của mình.

- Chị H có nghĩa vụ trả lại tiền chuyển nhượng đất 55.000.000 đồng, tiền bồi thường chênh lệch giá đất là 65.538.000đồng, tổng cộng 120.538.800 đồng x 5% = 6.027.000đồng, nên chị H phải chịu 6.027.000 đồng tiền án phí sơ thẩm, nhưng chị H có đơn xin miễn giảm tiền án phí về hoàn cảnh khó khăn, nên Hội đồng xét xử miễn 50% tiền án phí sơ thẩm, chị H còn phải nộp 3.013.500đồng. Chị H đã nộp 9.503.800 đồng, nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV hoàn trả lại cho chị H 6.490.300 đồng.

- Bà T và anh Nhật A phải chịu tiền án phí sơ thẩm tương ứng với mức độ lỗi của mình là 65.538.000 đồng x 5%= 3.277.000 đồng.

Đối với chi phí thẩm định, định giá và các chi phí giai đoạn thi hành án chị H không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, trong trường hợp chị H có yêu cầu thì được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là đình chỉ một phần kháng cáo của chị H đối với số tiền 47.500.000 đồng, chấp nhận kháng cáo của chị H và chấp nhận kháng nghị của Việm kiểm sát. Xét thấy, cũng như phần nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của Viện kiểm sát.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo, một phần kháng nghị, sửa bản án sơ thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do sửa bản án sơ thẩm, nên chị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148; khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 129, 137, 689 Bộ luật Dân sự 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng cáo của chị H đối với số tiền 47.500.000 đồng.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Cẩm H.

- Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện LV.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2017/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện LV.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Cẩm H.

2. Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị T và anh Dương Nhật A về việc yêu cầu chị Nguyễn Cẩm H tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đất 3.326,7m^2 (đo thực tế) tại thửa 1576, tờ bản đồ số 6.

3. Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Nguyễn Thị T2 (chị H) với bà Nguyễn Thị T, anh Dương Nhật A.

Buộc bà Nguyễn Thị T và anh Dương Nhật A liên đới trả cho chị H lại 29.462.000 đồng.

4. Về án phí:

- Miễn 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị H. Chị H còn phải nộp 3.013.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Thi hành bản án phúc thẩm số 324/2011/DSPT ngày 26/9/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, thì chị H đã nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 9.303.800 đồng, theo biên lai số 0004078, ngày 21/8/2014 và số tiền án phí

dân sự phúc thẩm là 200.000 đồng theo biên lai số 004591 ngày 16/01/2012, tổng cộng là 9.503.800 đồng. Như vậy, số tiền án phí chị H đã nộp để thi hành bản án (Bản án số 324/2011/DSPT) là 9.503.800 đồng, số tiền này được khấu trừ vào tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.013.000 đồng, chị H được hoàn trả lại số tiền án phí là 6.490.800 đồng.

Chị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 2.074.00 đồng (hai triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai số 036976 ngày 17/3/2016, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV.

Chị H không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm, chị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai số 15440 ngày 04/10/2017, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV.

- Bà T và anh Nhật A phải chịu 3.277.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về chi phí thẩm định và định giá (sơ thẩm lần 2):

Tổng cộng là 600.000 đồng, chị H và bà T, anh Nhật A mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Chị Nguyễn Cẩm H phải chịu 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) chi phí tố tụng (chị đã nộp xong). Do vậy, bà T và anh Nhật A nộp 300.000 đồng hoàn trả cho chị H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong số tiền trên chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền chưa thi hành, tại thời điểm thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi Nhận:
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- Phòng KTNV- THA TA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án (B).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚCTHẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Nguyễn Tấn Tặng